

I. XUẤT KHẨU HÀNG MAY MẶC SANG MỸ

Ngành may mặc VN có tiềm năng xuất khẩu to lớn và đã là một nguồn thu ngoại tệ quan trọng. Đến năm 2005, ngành may mặc VN dự trù đạt 670 triệu sản phẩm, với giá trị gia công khoảng 880 triệu USD, tăng gấp 12 lần. Khả năng tiêu thụ nội địa thì kém, chỉ khoảng 1/5 giá trị tổng sản lượng của ngành. Về khối lượng, hơn 50% sản lượng là để xuất khẩu. Hàng may mặc VN đã có tiếng về chất lượng cùng với một số nhãn hiệu hàng đầu châu Á. Ngành này thâm dụng lao động, với hơn 200.000 công nhân, cùng với hàng chục ngàn hộ làm gia công. Lực lượng lao động này tương đối có tay nghề, ham học, có sáng kiến và có lớp công nhân trẻ nhiệt tình và chiếm đa số. Các công nghệ sử dụng khá hiện đại, máy móc tương đối mới và chấp nhận được. Công nghệ từ Nhật và thiết bị mới từ Đức, Nhật và Hàn Quốc đã nâng cao được trình độ công nghệ. Chất lượng và thời hạn giao hàng của ngành may mặc VN thuộc vào hàng tốt nhất châu Á. Ngành này có khả năng đẩy mạnh việc làm hàng xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu khoảng 1 tỉ USD là trong tầm tay. Tuy nhiên, vẫn còn một số trở ngại. Đáng kể nhất trong đó là yếu tố giá cả. Hàng may mặc VN bị đánh giá là đắt. Một số nhân tố ảnh hưởng việc giá thành vọt cao này là sự có mặt của một hệ thống trung gian, hầu hết nguyên liệu là phải nhập, và phía VN chỉ làm những khâu như cắt, ráp, đóng gói... vốn chỉ chiếm khoảng 20% giá thành. Nguyên liệu, máy móc, công nghệ... tất cả đều phải nhập. Do đó nên mặc dù thâm dụng lao động, và giá nhân công rẻ nhưng sản phẩm may mặc VN không có thể mạnh cạnh tranh về giá. Hiện VN

đang cần tìm những thị trường mới. Những thị trường trước đây của nó Liên Xô cũ, khối Đông Âu, EU, Canada, Na Uy, Nhật, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông đều đã bão hòa và một số thị trường trong số đó (EU, Canada, Na Uy) có áp dụng chế độ hạn ngạch và một số khác lại có chiều hướng giảm nhập khẩu.

Ngành may mặc VN ít đa dạng hóa. Đến nay, nó chỉ tập trung vào một số mặt hàng như đồ lao động, áo khoác và sơ mi nam. Cần phải đa dạng hóa hướng tới loại hàng cao cấp, thiết kế tốt hơn và nhiều giá trị gia tăng hơn. Ngoài ra ngành này cũng cần tăng cường gia công trực tiếp cho các

xuất hàng sang Mỹ. Loại thỏa ước này được lập riêng với từng quốc gia và có thể nêu rõ định ngạch cho từng loại hàng vải hay từng mặt hàng một. Muốn biết thêm chi tiết, ta có thể liên lạc với International Trade Administrations Office of Textile and Apparel (Văn phòng quản lý ngoại thương về hàng dệt và trang phục) địa chỉ: 14th Constitution Avenue NW Rm 3100, Washington DC 20230, điện thoại: (202) 482 - 5078, 482 - 3737.

Bạn có thể yêu cầu họ gửi cho các bản khai về quốc gia gốc xuất khẩu bởi vì những ràng buộc định ngạch được dựa trên quốc gia gốc xuất khẩu

ĐỂ TÔM VÀ HÀNG MAY MẶC VIỆT NAM XÂM NHẬP THỊ TRƯỜNG MỸ

hàng tiêu thụ để giảm bớt tăng nấc trung gian. VN cũng cần có qui chế tối huệ quốc. Nếu đạt được điều này, hy vọng là vào tháng 8.1997, nó sẽ giảm đáng kể giá của hàng may mặc xuất sang Mỹ. Giá các loại áo khoác thu đông sẽ giảm từ 45% xuống còn 6,1%; trang phục nam bằng vải cotton sẽ rơi ngay từ 45% xuống 21%. Thuế nhập của Mỹ đối với các nước tối huệ quốc thường thấp hơn từ 35% đến 90% so với thuế đối với nước không được hưởng qui chế này. Mỹ chắc chắn sẽ quan tâm đến việc cho VN hưởng qui chế này vì đã đầu tư nhiều vào VN và đang xuất sang VN khoảng 13 triệu USD các loại vải thô và giúp VN hiện đại hóa công nghệ. Mỹ tất cũng biết rằng sẽ có lợi khi nắm được chừng 35% trong tổng sản lượng dự trù là 880 triệu USD của ngành may mặc VN vào năm 2005.

Mỹ là thị trường tiêu thụ hàng may mặc lớn nhất và dễ có lời nhất thế giới, đặc biệt đối với các mặt hàng như áo khoác thu đông, quần thường phục, đồ bằng vải dày (vải quần jean) và y phục cao cấp vốn rất hấp dẫn khách hàng Mỹ.

1. Các qui định và yêu cầu đối với hàng may mặc xuất sang Mỹ

Đầu tiên, ta cần biết tới các hạn ngạch. Theo các điều khoản thuộc phần 204 trong Đạo luật điều chỉnh nông nghiệp, ta cần đạt được các thỏa thuận riêng với từng quốc gia muốn

(đó là quốc gia nơi sản phẩm được trồng, sản xuất hoặc chế biến). Nhưng nếu dệt hàng của bạn được chuyển tới một nước khác, nước B chẳng hạn, trước khi nhập vào Mỹ, và nếu ở nước B đó, sản phẩm trải qua một quá trình biến đổi đáng kể (substantial transformation) thì quốc gia B sẽ được coi là quốc gia gốc xuất khẩu.

Những biến đổi đáng kể bao gồm: (1) nhuộm và in cùng với hai (hoặc nhiều hơn) trong số những khâu công đoạn sau: tẩy trắng, làm co hay làm chắc vải, chà cho lên tuyết (xù mặt), làm cứng vĩnh viễn, làm nặng vải (bằng cách tẩm hóa chất), làm nhăn hay làm gợn sóng mặt vải vĩnh viễn; (2) se sợi thành chỉ; (3) đan, dệt hay tạo thành vải bằng cách nào khác; (4) cắt vải và ráp lại thành sản phẩm hoàn chỉnh; (5) lắp ráp phần trang phục hoàn chỉnh từ các phần đã được cắt ở quốc gia khác.

Những khâu sau đây không được xem là những hoạt động đáng kể cho dù thực hiện được nhiều khâu: (1) những hoạt động đơn giản: gắn kết, dán nhãn, là ủi, giặt, làm sạch hay đóng gói; (2) cắt theo chiều dài hay rộng và may viền hay may chông lên vải vốn đã rõ hình dạng thương phẩm của nó rồi; (3) tĩa gợn và/hay nối kết bằng cách khâu, móc, nối hay các cách khác nối kết những bộ phận đã

THÔNG BÁO

Ban biên tập Tạp chí Phát triển Kinh tế mời bạn đọc tham gia viết bài và mua tạp chí quý III, 1997, theo các chủ đề sau đây:

Tháng 7.1997:

Thị trường tài chính

Tháng 8.1997:

Tài chính nhà nước

Tháng 9.1997:

Tài chính doanh nghiệp

thành hình dáng hoàn chỉnh được làm ở một nước nào đó, cho dù có đi kèm với những công đoạn khác như giặt, sấy, sửa sang vốn thường xảy ra trong việc lắp ráp; (4) một hay nhiều những hoạt động hoàn tất thực hiện trên chỉ, vải hay sản phẩm dệt - chẳng hạn như làm vải không bị thấm mưa, tẩy trắng, làm co hay làm chắc vải, hoặc tẩm hóa chất khiến chúng dễ nhuộm hơn... (5) nhuộm và/hoặc in vải hoặc chỉ.

Có 3 bản khai hải quan về quốc gia gốc xuất khẩu:

- Bản khai quốc gia đơn lẻ: dành cho các hàng may mặc xuất từ một nước duy nhất, hoặc được ráp tại một nước từ các bộ phận làm sẵn được sản xuất từ Mỹ hay từ nước sản xuất khác. Thông tin cần khai báo gồm: các dấu nhận dạng và các số liệu; bản mô tả món hàng và khối lượng; quốc gia gốc xuất khẩu; và ngày xuất khẩu.

- Bản khai nhiều quốc gia: dành cho các sản phẩm dệt được chế biến hay sản xuất xong và/hoặc những vật liệu phối hợp xuất phát từ nhiều nước. Thông tin cần khai báo gồm có: các dấu nhận dạng và số liệu; với các món hàng: cần có bản mô tả, khối lượng, các công đoạn chế tạo và/hoặc chế biến, quốc gia thực hiện mỗi công đoạn, ngày xuất khẩu; với các nguyên vật liệu sử dụng: cần khai rõ các nguyên vật liệu, nước sản xuất ra chúng và ngày xuất khẩu.

- Bản khai ngoài khống chế: dành cho các sản phẩm dệt không nằm trong tầm khống chế của khoản 204 thuộc Đạo luật về hàng vải có thể cháy (Flammable Fabrics Act). Thông tin cần khai báo gồm: các dấu nhận dạng và số liệu; bản mô tả mặt hàng và khối lượng, và quốc gia gốc xuất khẩu.

Trong cả 3 bản khai trên, ngày xuất khẩu tức là ngày mà phương tiện vận tải rời hẳn khỏi nước gốc xuất khẩu được hải quan xác nhận. Việc tạm ghé vào một quốc gia khác không ảnh hưởng gì tới ngày xuất khẩu. Bản khai phải được bên có thẩm quyền ghi rõ ngày tháng và ký tên và phải ghi rõ chức danh người ký cùng với tên gọi và địa chỉ của công ty.

2. Lắp và dán nhãn

Mọi sản phẩm may mặc phải được đóng dấu, gắn thẻ lai lịch và gắn nhãn có kèm những thông tin sau: tên gọi tổng quát (tên chung) của sản phẩm và tỉ lệ trọng lượng các loại sợi cấu thành sản phẩm; tên của nhà sản xuất; và tên quốc gia nơi nó được chế biến gia công.

3. Lắp hóa đơn

Mọi hóa đơn của các hàng dệt may mặc phải nêu rõ:

- Tỷ lệ trọng lượng chi tiết của mọi loại chỉ sợi cấu thành có mặt trong toàn sản phẩm cũng như bản

phân tỉ lệ các loại chỉ sợi ở lớp mặt ngoài và lớp lót trong của sản phẩm (không kể các mép viền, cổ tay giả, cổ áo, dây lưng và các phần thêm thắt khác).

- Với các trang phục cấu thành bởi nhiều nguyên liệu (phối hợp giữa đồ dệt và không dệt; hoặc giữa đồ dệt và/hoặc không - dệt với da, lông thú, nhựa dẻo...), hóa đơn phải nêu rõ tỉ lệ trọng lượng của từng loại vật liệu dệt trong món trang phục, và tỉ lệ trọng lượng của từng vật liệu không - dệt trong món trang phục.

- Với trang phục đan, cần nêu rõ mặt hàng vải đó được nhuộm từ khi còn là sợi hay không và có bao nhiêu màu trong các sợi ngang cũng như sợi dọc.

- Đối với áo mayô hay áo pull toàn màu trắng, cần nêu rõ món hàng có túi, viền hay thêu gì không.

- Với khăn quàng, cần nêu chính xác kích thước, chiều dài và rộng của món hàng.

Các sản phẩm len thì chịu sự khống chế của Đạo luật nhãn hiệu sản phẩm len (Wool Products Labeling Act - WPLA). Khi xin nhập một lô hàng len trị giá trên 500 USD vào Mỹ và nó nằm trong tầm khống chế của WPLA, ta phải cung cấp những thông tin sau: (1) tỉ lệ tổng trọng lượng sợi, (2) tỉ lệ tối đa của tổng trọng lượng sản phẩm len, của các vật liệu đệm, lót, pha lẫn... và (3) tên người nhập khẩu.

Với khăn tay các loại, hóa đơn nhập phải nêu rõ: kích cỡ chính xác (khô ngang và chiều dài); nếu làm bằng vải cotton thì có viền, thêu hay ren gì không.

4. Nhập đặc biệt hay nhập theo chế độ

Một số trang phục lắp ráp ở nước ngoài bằng những bộ phận hình thành hay cắt sẵn tại Mỹ mà sau khi ráp cần được tẩy trắng, nhuộm hay là ủi ở nước ngoài, thì có thể được cho nhập theo Chương trình nhập đặc biệt. Dấu hiệu chữ "H" phải được đặt đáng trước bằng kẻ giá như dấu hiệu nhận diện cho loại hàng này.

5. Quy chế về tính bất lửa

Những trang phục dễ cháy có thể sẽ không được cho nhập nếu chúng không đáp ứng được tiêu chuẩn về độ bất lửa do FFA (Luật về hàng vải có thể cháy) qui định. Cũng có ngoại lệ dành cho các sản phẩm nhập vào để tiếp tục gia công hầu làm chúng đạt được tiêu chuẩn pháp định trên. Với những sản phẩm này, nhà xuất khẩu phải nêu trong hóa đơn và các tài liệu vận chuyển khác rằng lô hàng được nhập vào Mỹ để được gia công tiếp. Vi phạm qui định này thì có thể bị phạt như sau: (a) tịch biên, bắt nộp phạt và tịch thu, hay (b) phát lệnh đình chỉ buộc cá nhân hay công ty đó ngừng bán và phân phối sản phẩm

đó, hay (c) phát lệnh cấm bán tạm thời trong khi chờ thủ tục đình chỉ chính thức cuối cùng. Các hình phạt dân sự cũng có thể được thi hành đối với việc cố tình vi phạm quy định về tính bất lửa này.

6. Báo cáo về mối độc hại trong sản phẩm

Hội đồng về an toàn sản phẩm tiêu dùng (CPSC) có quyền hạn và trách nhiệm bảo vệ công chúng Mỹ khỏi các mối độc hại từ các hàng may mặc nhập khẩu có thể gây hại nghiêm trọng cho sức khỏe hay gây tử vong. Những hàng may mặc nhập khẩu đó có thể bị truy tố dân sự trước tòa.

7. Thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu đánh trên hàng may mặc thay đổi tùy theo mặt hàng. Sau đây là vài ví dụ: sơmi cotton nam (không phải loại dệt bằng tay) 21%, áo nữ và lụa 7,5%, đồ ngủ nam bằng cotton 9,5%, đồ trẻ em cotton 12,6%, khăn tay lụa 17%, về vải cotton, viền mà không có thêu hay dệt ten 14%, áo khoác len nam 55,9 xu một ký cộng thêm 21%, áo khoác nữ cotton 9,5%, y phục len nam 52,9 xu một ký cộng 21%, y phục len nữ 17%, y phục cotton nữ 17,1%...

II. XUẤT KHẨU TÔM SANG MỸ

Kỹ nghệ tôm VN có triển vọng phát triển mạnh tuy hiện nay chưa trưởng thành hẳn. Với bờ biển dài, ngành này có thể phát triển nhanh. Trong 300 triệu USD thu từ xuất khẩu hải sản, tôm và mực chiếm phần lớn. Tôm và cá ngừ tươi của VN được coi như rất có lãi trên thị trường thế giới. Chính phủ VN có quyết tâm phát triển ngành này, khuyến khích tư nhân sản xuất và đang tiến hành những chương trình nuôi tôm thương phẩm. VN phải tận dụng thị trường Mỹ vốn rất chuộng tôm đông lạnh (sức tiêu thụ ước tính tăng 5% năm tới). Sản phẩm tôm, nhất là tôm hùm, nằm trong loại hải sản ưa chuộng nhất ở Mỹ với mức tiêu thụ đầu người khoảng 1,14kg. Năm 1994, Mỹ nhập khẩu 255.654 tấn tôm đông lạnh trị giá 2,4 tỉ USD. Sức cung nội địa Mỹ chỉ có 180.000 tấn mỗi năm nên không thỏa sức cầu. Năm 1995 Mỹ nhập 270.891 tấn tôm, một con số kỷ lục. Mười nước hàng đầu bán tôm sang Mỹ là Thái Lan, Ecuador, Mexico, Ấn Độ, Trung Quốc, Panama, Honduras, Canada, Indonesia, và Bangladesh.

Giá tôm trong thị trường Mỹ đang lên, khoảng 7,43 USD một pound (cỡ nửa ký) tôm đông lạnh cỡ lớn. Một điểm thuận lợi nữa của thị trường Mỹ là các nhà nhập khẩu và bán sỉ tôm cũng là người gia công chế biến và thậm chí là người bán lẻ luôn. Ngoài ra, các nhà nhập khẩu thường mua tôm bằng L/C nên các nhà xuất

khẩu tôm thường nhận được tiền ngay khi giao hàng. Hơn nữa, chính các nhà nhập khẩu Mỹ mới phải chịu rủi ro nếu giá hạ xuống trong khi hàng đang chuyên chở hay làm thủ tục hải quan. VN hẳn sẽ thu lợi nhờ việc các công ty Mỹ sẵn sàng mua hàng tận nguồn để giảm bớt đại lý trung gian có thể đội giá thành lên.

Tuy nhiên cũng có những rào cản phải vượt qua. Đáng kể nhất là các tiêu chuẩn chất lượng rất khó khăn của Mỹ. Đối với tôm nhập, tiêu chuẩn được nhấn mạnh là kích cỡ đều nhau, tươi, có mùi dễ chịu đặc trưng của sản phẩm này và chất lượng thịt (không cứng, khô hay xốp ủng). Có những tiêu chuẩn để phân hạng cho tôm. Cơ quan quản lý thực phẩm và dược phẩm Mỹ (FDA) thì rất kỹ lưỡng trong việc thực thi các tiêu chuẩn chặt chẽ của Đạo luật về thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm, cùng các đạo luật có liên quan khác. Nó sẽ thử nghiệm các mẫu hàng và nếu phát hiện một vi phạm nào, nó sẽ phát thông báo câu lưu và thẩm vấn (mẫu FD777) nêu rõ việc vi phạm và cho phép nhà nhập khẩu có 10 ngày để biện hộ với những bằng chứng thuyết phục. Không đáp ứng được điều này là rất nguy: lô hàng sẽ không được phép nhập, phải tái xuất hay hủy bỏ dưới sự giám sát của hải quan Mỹ. Indonesia, Hồng Kông, Bangladesh, Đài Loan và cả Thái Lan đã từng bị câu lưu những lô tôm xuất sang Mỹ (ngoại trừ những lô của các công ty đã được chấp thuận) vì những vấn đề như nhiễm khuẩn, thối rửa và bẩn thỉu. Có giải pháp là phải bảo đảm các tiêu chuẩn chất lượng trong từng khâu chế biến hải sản muốn nhập vào Mỹ. Giải pháp này dựa vào điều khoản về kiểm soát và phân tích độ độc hại. Một rào cản khác là sắc lệnh của Tòa án ngoại thương Mỹ ra ngày 1.5.1996 qui định sẽ cấm vận nhập tôm vào Mỹ từ các hãng đánh bắt hải sản không trang bị thiết bị loại trừ rửa biển (TED - turtle excluded device). VN phải tránh được vấn đề này và được Mỹ chứng nhận. VN cũng cần phát triển khả năng đánh bắt dưới độ sâu để bắt những loại tôm lớn hơn sống ở khoảng 120 - 150 mét sâu và cách bờ chừng 150 - 200km. Đây là bước cần thiết để sản xuất được tôm chất lượng cao để xuất khẩu. VN cũng cần phải quan tâm tới vấn đề dầu tràn ngoài biển và các bệnh tật ảnh hưởng tới nghề nuôi và bắt tôm.

1. Các quy định của Mỹ

Những quy định chung sau đây áp dụng cho việc xuất khẩu các hải sản như tôm vào đất Mỹ:

a. Quy định của Cơ quan thực phẩm và dược phẩm (FDA): các qui định này nhằm vào độ tinh khiết, lai lịch, việc chế biến và các tiêu chuẩn

khác. Hải quan Mỹ chọn mẫu và thử nghiệm một tỷ lệ nhỏ của lô hàng nhập để xem có hợp với các qui định không.

b. Các thủ tục và thông báo cho nhập của FDA.

c. Quy chế thuế tiêu thụ đặc biệt cho sản phẩm của ngành ngư nghiệp Mỹ.

d. Các qui định của Bộ nông nghiệp Mỹ, của Cơ quan kiểm tra vệ sinh cây trồng và vật nuôi và Cơ quan về thủy sản và đời sống hoang dã.

Việc nhập các loại cá thuộc họ cá hồi là bị cấm ngoại trừ trong những trường hợp rất đặc biệt. Tôm là mặt hàng thuộc quyền quản lý của FDA với các yêu cầu về thực, được và mỹ phẩm liên bang. Việc nhập những chủng loài sống còn chịu những qui định về kiểm dịch và còn phải đáp ứng các yêu cầu của sở ngư nghiệp quốc gia thuộc Bộ thương mại.

Tôm nhập vào Mỹ phải thỏa mọi yêu cầu về thực, được và mỹ phẩm vốn đã áp dụng cho mọi sản phẩm làm tại Mỹ. Chúng phải được bắt từ những vùng biển không ô nhiễm; được sản xuất, xử lý và phân phối cách nhanh chóng và vệ sinh. Vì tôm có thể đem những bệnh đường ruột hay các chất độc tự nhiên hoặc hóa học, nên nó chịu sự kiểm tra đặc biệt của FDA trước khi có được giấy phép (qui trình này cũng áp dụng cho sản phẩm tôm nội địa). Nó còn phải đáp ứng được các qui định của các cơ quan y tế cấp tiểu bang phối hợp với nhau trong chương trình vệ sinh hải sản quốc gia (do FDA điều hành) và hội nghị vệ sinh hải sản liên bang. Việc đánh bắt tôm ở những vùng nước nhiễm bẩn vì nước thải là bị cấm chỉ. Các viên chức kiểm tra cấp tiểu bang sẽ cấp chứng nhận cho các cơ sở đạt yêu cầu. Số của giấy chứng nhận do tiểu bang cấp đó phải được ghi trên mỗi kiện hàng hay container chứa tôm. Ngoài ra, tàu chuyên chở cũng phải có ghi chép cho biết nguồn gốc và việc phân phối mọi lô tôm đã xử lý và giữ gìn các hồ sơ đó cho các cơ quan kiểm tra khi cần đến.

2. Đóng gói và ghi nhãn

Việc thay loại hải sản này bằng loại hải sản khác là bị nghiêm cấm. Nhãn hiệu phải định rõ mặt hàng bằng tên gọi thông dụng ở Mỹ (tôm: *shrimp*, cá tuyết: *cod*, v.v...). Dùng tên của hải sản tiêu chuẩn trên nhãn hiệu cho một sản phẩm khác tiêu chuẩn đó là phạm pháp. Ghi nhãn gian trá sẽ bị phạt nặng. Tôm phải được đóng gói và chuyên chở hết sức cẩn thận sau khi đã tham khảo bộ phận vận tải và bảo hiểm. Tôm ướt đóng hộp phải được đóng trong những vật chứa trong suốt, hoặc không trong suốt, được hàn kín, và phải được xử lý bằng nhiệt để tránh hư thối. Tên thực

phẩm ghi trên nhãn sẽ là "*shrimp*". Nếu là loại tôm đã lấy "chỉ ruột" (tức đã lấy ra phần ruột tôm màu đen ở gần đầu của nó và tôm còn lại tối thiểu 95% trọng lượng ban đầu) thì trên nhãn phải ghi "*deveined*" (đã lấy chỉ ruột) hoặc "*cleaned*" (đã làm sạch). Trong trường hợp không cần lấy chỉ ruột, đồng chữ "không có chỉ ruột đen" có thể được ghi trên nhãn (*contain no dark vein*). Nếu lô hàng gồm những con tôm nhỏ và không chứa tôm vụn quá 15% trọng lượng, phải ghi chữ "*tiny*" (nhỏ xiu) cạnh chữ "*shrimp*". Nếu tôm có ướp gia vị thì ghi thêm chữ "*spiced*" (đã ướp gia vị).

3. Phân loại tôm của Mỹ

Tôm loại A của Mỹ là loại có mùi dễ chịu và bình thường đặc trưng của tôm mới đánh bắt và không có bất kỳ mùi lạ nào. Tôm loại B có mùi tương đối dễ chịu. Các loại tôm đã bị hỏng hay có khiếm khuyết phải bị loại ra. Thịt tôm sau khi nấu chín phải chắc, hơi đàn hồi nhưng không cứng, ẩm nhưng không nhũn.

4. Các qui định kiểm tra

Những qui định này nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh trong việc lật và đóng gói. Phòng lật và đóng gói phải tách biệt, có thiết bị ngăn sâu bọt và được thông gió tốt. Các thùng chứa rửa tôm không được đặt trong phòng lật tôm. Các thiết bị phải bảo đảm dễ rửa sạch, thông thoáng, có ánh sáng và tiêu thoát nước tốt. Mọi phần của thiết bị phải làm bằng kim loại hoặc các vật liệu khác trơn láng, dễ rửa và không rỉ, miễn là không chứa chì và các chất độc hại khác. Các mối hàn kim loại phải phẳng nhẵn. Phải có nguồn nước không ô nhiễm và loại xà bông thích hợp để rửa rây cùng với các phương tiện vệ sinh đạt tiêu chuẩn. Ngoài ra còn phải có thiết bị chứa lạnh ngay cho tôm sau xử lý. Tôm bán thiu hay nhũn rửa phải bị loại ngay. Phải chú ý ngăn nhiễm bẩn và hư thối. Các container, thùng chứa phải làm vệ sinh sạch sẽ đúng cách. Những dấu hiệu để đọc phải được đóng trên mọi thùng chứa trong lúc đóng gói. Những dấu đó phải cho biết ngày đóng gói và cơ sở đóng gói, kích cỡ của tôm nếu chưa được xếp loại. Những dấu tương tự cũng được đóng trên thùng bao phía ngoài. Nhãn có thể ghi dấu xác nhận tùy theo loại qui trình gia công.

5. Thuế nhập khẩu tôm

Tôm nhập vào Mỹ được miễn thuế nhập khẩu.

Theo Ram Sarangapani trong hội thảo "Phương pháp xuất khẩu sản phẩm VN sang thị trường Mỹ" do Bộ khoa học - Công nghệ Môi trường, Cesaes (Đại học Kinh tế) và UNDP tổ chức tại Trường Đại học Kinh tế ngày 16.4.1997.